

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 504/QĐ - ĐHKTYT HD

Hải Dương, ngày 12 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành “Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương”**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác quản lý sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng phòng: Tổ chức Cán bộ, Quản lý đào tạo, Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, Hành chính Quản trị, Tài chính kế toán, Công tác quản lý sinh viên, các đơn vị có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, TCCB.



HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Diệu Hải

QUY CHẾ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

(Kèm theo Quyết định số: 504/QĐ-ĐHKTYTHD, ngày 12 tháng 10 năm 2014 của Hiệu trưởng trường ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên hệ chính quy đang học tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, bao gồm: nội dung đánh giá và khung điểm, quy trình đánh giá, tổ chức đánh giá, phân loại và sử dụng kết quả đánh giá.

Điều 2. Mục đích

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên nhằm:

- Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Đưa ra được những định hướng, nội dung rèn luyện cụ thể, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện.

Điều 3. Yêu cầu

- Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là việc làm thường xuyên của trường.
- Quá trình đánh giá phải bảo đảm chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

Điều 4. Nội dung đánh giá

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- Ý thức học tập;
- Ý thức chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường;
- Ý thức tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
- Ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng;
- Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VÀ KHUNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 5. Đánh giá về ý thức học tập

5.1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức, thái độ học tập tại trường cũng như đi làm sàng tại các cơ sở y tế, tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

5.2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

5.3. Nội dung đánh giá:

5.3.1. Đi học đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học: 5 điểm

Nội dung này được xác định sinh viên không đi học muộn, nghỉ học không có lý do, thiếu mũ, áo blu, thẻ sinh viên khi đi lâm sàng. Dựa theo Quyết định sinh viên bị trừ điểm rèn luyện hàng tuần và theo dõi của lớp để đánh giá. Nội dung này sinh viên có thể bị trừ đến điểm âm.

5.3.2. Chấp hành đúng, đủ nội qui, qui định trong thực tập lâm sàng/ thực hành, không có sai sót (*Không bỏ trực BV, bỏ vị trí được phân công, đứng hành lang nói chuyện riêng...*): 3 điểm

5.3.3. Không vi phạm quy chế thi/kiểm tra: 2 điểm.

Sinh viên không thực hiện hành vi gian lận trong thi, kiểm tra.

5.3.4. Không phải thi lại (*Nếu phải thi lại: trừ 1 điểm/1 môn*): 3 điểm

5.3.5. Kết quả học tập:

- Từ 9 trở lên: 5 điểm

- Từ 8 đến cận 9: 4 điểm

- Từ 7 đến cận 8: 3 điểm

- Từ 6 đến cận 7: 2 điểm

- Từ 5 đến cận 6: 1 điểm

5.3.6. Tham gia nghiên cứu khoa học: 2 điểm

Điều 6. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường

6.1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức và kết quả việc chấp hành các nội quy, quy chế trong trường.

6.2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

6.3. Nội dung đánh giá:

6.3.1. Chấp hành nghiêm nội quy, quy chế: : 7 điểm

6.3.2. Chấp hành đầy đủ quy định về nội, ngoại trú: (*Phòng ở sạch sẽ, ngăn nắp; không gây ồn ào, không tiếp khách trong giờ tự học, để xe đúng nơi qui định; không uống rượu, bia, gây gổ đánh nhau, vứt rác không đúng nơi qui định... Chấp hành nghiêm qui chế, qui định ở ngoại trú của địa phương*): 6 điểm

+ Bị quản lý KTX lập biên bản khiển trách: trừ 2 điểm/lần

+ Không khai báo địa chỉ trọ, thay đổi chỗ trọ, giấy ngoại trú: trừ 4 điểm/lần

6.3.3. Tham gia đầy đủ tuần sinh hoạt công dân đầu năm, họp lớp/khối: 5 điểm.

6.3.2. Đóng học phí, phí nội trú, tiền điện nước đúng thời hạn : 3 điểm

Sinh viên đóng chậm học phí (trừ trường hợp được phép nộp chậm học phí), phí nội trú, điện nước so với quy định: trừ 1 điểm/1 tháng

6.3.3 Tham gia lao động tự quản, vệ sinh phòng học, thực tập: 4 điểm

Sinh viên không tham gia lao động: trừ 2 điểm/1 tháng

Điều 7. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội

7.1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao và phòng chống các tệ nạn xã hội.

7.2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

7.3. Nội dung đánh giá:

7.3.1. Tham gia công tác xã hội (ủng hộ người nghèo, tình nguyện hoặc công tác xã hội khác): 5 điểm.

7.3.2. Tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ thể dục thể thao của Đoàn, Hội SV: 9 điểm
Lớp đánh giá điểm dựa trên ý thức tham gia các hoạt động ngoại khoá của Đoàn, Hội sinh viên

7.3.3 Tham gia các đội tuyển cấp trường (Văn nghệ, TDTT, PCCC...): 2 điểm

7.3.4 Tham gia các đội tuyển cấp trường thi đạt giải: 1 điểm

7.3.5 Có ý thức phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội khác: 3 điểm

Điều 8. Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng

8.1. Căn cứ để xác định điểm là kết quả chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thành tích trong công tác xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; mối quan hệ cộng đồng, tinh thần giúp đỡ bạn bè, người nghèo, người gặp khó khăn.

8.2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

8.3. Nội dung đánh giá:

8.3.1. Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước: 8 điểm.

8.3.2. Tham gia giữ gìn trật tự an toàn trong Trường và nơi ở, an toàn giao thông: 5 điểm

8.3.3. Tham gia tuyên truyền; giáo dục về VSMT; GDSK cộng đồng, tham gia các hoạt động tình nguyện tại cộng đồng: 7 điểm

8.3.4. Kính trọng, lễ phép với thầy, cô giáo, cán bộ Nhà trường và nơi thực tập, thực tế; quan hệ đúng mực với bạn bè: 5 điểm

Điều 9. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên

9.1. Căn cứ để xác định điểm là ý thức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đoàn, Hội... trong trường; và những sinh viên khác có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

9.2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

9.3. Nội dung đánh giá:

9.3.1. Sinh viên được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đoàn, Hội, trương phòng, dãy ký túc xá và các tổ chức khác trong nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc là thành viên tích cực của các Câu lạc bộ, đội văn nghệ, thể thao của khoa, của trường: 10 điểm.

- Lớp trưởng: 10 điểm

- Lớp phó: 8 điểm

- Trưởng dãy nhà KTX, trưởng khu dân cư: 6 điểm

- Tổ trưởng, nhóm trưởng: 4 điểm

- Trưởng phòng KTX, trưởng cụm ngoại trú: 4 điểm

- Đội trưởng thanh niên xung kích: 10 điểm

- Thành viên thanh niên xung kích: 8 điểm

9.3.2. Được khen thưởng hoàn thành tốt nhiệm vụ hoặc thành viên tích cực của các Câu lạc bộ, đội văn nghệ, thể thao của khoa, của trường: 5 điểm

+ Được kết nạp Đảng: 5 điểm

+ Hiến máu nhân đạo: 5 điểm

- + Đạt yêu cầu khi tham gia học lớp nâng cao nhận thức về Đảng: 3 điểm
- + Cấp Trường khen: 5 điểm
- + Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên khen: 3 điểm

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN

Điều 10. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

10.1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Trường là cơ quan tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- a) Thành phần Hội đồng cấp trường, gồm:
- Chủ tịch Hội đồng
 - Thường trực Hội đồng: Trưởng Phòng Công tác QLSV;
 - Các uỷ viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng có liên quan, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên cấp trường.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường: căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

10.2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa/bộ môn có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa/bộ môn xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên.

- a) Thành phần Hội đồng cấp Khoa/bộ môn, gồm:
- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa/bộ môn
 - Thường trực Hội đồng: giáo vụ khoa/bộ môn theo dõi công tác sinh viên;
 - Các uỷ viên: Cố vấn học tập các lớp, đại diện Liên chi Đoàn Thanh niên cấp khoa;
- b) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa/Bộ môn: căn cứ đề nghị của tập thể lớp sinh viên, giúp Trưởng khoa/bộ môn đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

Điều 11. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

11.1. Đối với sinh viên học bình thường:

- Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành theo từng học kỳ, cụ thể như sau:
 - + Học kỳ 1: đánh giá vào khoảng tháng 2 hàng năm
 - + Học kỳ 2: đánh giá vào khoảng tháng 9 hàng năm
- Sinh viên học kỳ nào tại trường thì sẽ đánh giá kết quả rèn luyện của học kỳ đó cho đến khi sinh viên kết thúc thời gian học tại trường.

11.2. Đối với sinh viên được Nhà trường cho phép nghỉ học tạm thời:

Trong thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện; khi sinh viên được nhà trường xem xét cho học tiếp thì tiếp tục tính điểm rèn luyện.

Điều 12. Tính điểm rèn luyện

12.1. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Điểm thành phần và điểm tổng của các nội dung đánh giá được làm tròn đến 0,5.

12.2. Điểm rèn luyện của học kỳ gồm tổng điểm của 5 nội dung đánh giá quy định tại điều 5, điều 6, điều 7, điều 8 và điều 9; trong đó thành phần điểm của mỗi nội dung đánh giá không vượt quá điểm quy định.

12.3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó. Nếu năm học sinh viên học chưa đủ một năm học (như sinh viên ngừng học, sinh viên năm cuối) thì kỳ sinh viên theo học được tính tròn thành 1 năm học.

Điều 13. Phân loại kết quả rèn luyện

13.1. Kết quả rèn luyện được phân loại thành các loại như sau:

Từ 90 đến 100 điểm:	loại Xuất sắc
Từ 80 đến dưới 90 điểm	: loại Tốt
Từ 70 đến dưới 80 điểm	: loại Khá
Từ 50 đến dưới 69 điểm	: loại Trung bình
Từ 35 đến dưới 50 điểm	: loại Yếu
Dưới 35 điểm	: loại Kém

13.2. Những sinh viên trong học kỳ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (có quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng) khi phân loại kết quả rèn luyện không được vượt quá loại Khá; Những sinh viên Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên (có quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng) khi phân loại kết quả rèn luyện toàn khóa học không vượt quá loại Trung bình.

13.3. Những sinh viên không nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ thì học kỳ đó sẽ nhận điểm rèn luyện là 0 điểm (Không điểm) và xếp loại rèn luyện Kém.

13.4 Những sinh viên có nộp bản tự đánh giá kết quả rèn luyện trong học kỳ nhưng không tham dự buổi họp đánh giá rèn luyện của lớp sẽ bị hạ một bậc so với kết quả đánh giá.

Điều 14. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

14.1. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên tự đánh giá kết quả rèn luyện theo mức điểm chi tiết do trường quy định và nộp cho Ban cán sự lớp.

14.2. Cố vấn học tập tổ chức họp lớp: tiến hành xem xét và thông qua mức điểm rèn luyện của từng sinh viên trong lớp trên cơ sở phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

14.3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp khoa tổ chức họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng sinh viên và trình Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp trường (qua phòng Công tác Quản lý sinh viên) xem xét.

14.4. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp trường họp xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên trong toàn trường, trình Hiệu trưởng xem xét và công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên.

14.5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên được công bố công khai và thông báo cho sinh viên biết sau khi Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 15. Sử dụng kết quả rèn luyện

15.1. Kết quả phân loại rèn luyện từng học kỳ của sinh viên là một trong những tiêu chuẩn để xét học tiếp, ngừng học, xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập.

15.3. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học một năm học ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện kém trong ba kỳ liên tiếp thì sẽ bị buộc thôi học.

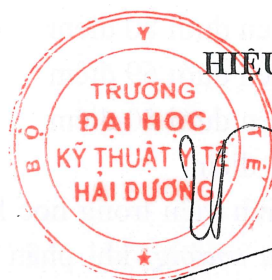
Điều 16: Quyền khiếu nại

Người học có quyền khiếu nại lên phòng ban chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy định này áp dụng cho tất cả các khoá thuộc hệ đào tạo chính quy của Nhà trường và có hiệu lực kể từ ngày ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện Hiệu trưởng Nhà trường có thể điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của trường.

**HIỆU TRƯỞNG**
Đinh Thị Diệu Hằng

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

- * -

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----*-----

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA HỌC SINH- SINH VIÊN
(Kèm theo quyết định số: /QĐ-ĐHKTYTHD ngày ... tháng ... năm 201... của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Họ và tên:.....Ngày sinh:.....

Lớp:.....Khoá học:.....Năm học

TT	Nội dung đánh giá	Khung điểm	HSSV tự ĐG	Lớp ĐG	Kết quả HĐĐG
1	Đánh giá về ý thức và kết quả học tập	0-20			
1.1	Đi học đủ, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học	5			
1.2	Chấp hành đúng, đủ nội qui, qui định trong thực tập lâm sàng, thực hành, không có sai sót.	3			
1.3	Không vi phạm quy chế thi/kiểm tra	2			
1.4	Không phải thi lại.	3			
1.5	Kết quả học tập:				
	- Từ 9 trở lên	5			
	- Từ 8 đến cận 9	4			
	- Từ 7 đến cận 8	3			
	- Từ 6 đến cận 7	2			
	- Từ 5 đến cận 6	1			
1.6	Tham gia nghiên cứu khoa học	2			
2	Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường.	0-25			
2.1	Chấp hành nghiêm túc nội qui, qui chế	7			
2.2	Chấp hành đầy đủ quy định về nội, ngoại trú	6			
2.3	Tham gia đầy đủ tuần sinh hoạt công dân đầu năm học, họp lớp/khoá, chào cờ.	5			
2.4	Đóng học phí, phí nội trú, tiền điện nước đúng thời hạn	3			
2.5	Tham gia lao động tự quản, vệ sinh phòng học, thực tập	4			
3	Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hoá, văn nghệ, TDTT, phòng chống các tệ nạn xã hội	0 - 20			
3.1	Tham gia công tác xã hội (ủng hộ người nghèo, tình nguyện hoặc công tác xã hội khác) Tham gia hoạt động:.....	5			
3.2	Tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ thể thao của Đoàn, Hội SV.	9			
3.3	Tham gia các đội tuyển cấp trường (Văn nghệ, TDTT,...)	2			
3.4	Tham gia các đội tuyển cấp trường thi đạt giải	1			
3.5	Tham gia tích cực hoạt động phòng chống và không vi phạm TNXH	3			
4	Đánh giá về phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng	0 -25			

TT	Nội dung đánh giá	Khung điểm	HSSV tự ĐG	Lớp ĐG	Kết quả HĐĐG
4.1	Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước	8			
4.2	Tham gia giữ gìn trật tự an toàn trong Trường và nơi ở, an toàn giao thông	5			
4.3	Tham gia tuyên truyền; giáo dục về VSMT; GDSK cộng đồng, tham gia các hoạt động tình nguyện tại cộng đồng	7			
4.4	Kính trọng, lễ phép với thầy, cô giáo, cán bộ Nhà trường và nơi thực tập, thực tế; quan hệ đúng mực với bạn bè	5			
5	Đánh giá về ý thức và kết quả công tác phụ trách lớp, đoàn thể và các tổ chức khác trong trường hoặc đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện của sinh viên	0-10			
5.1	Lớp trưởng/ Bí thư: - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. - Lớp có SV vi phạm kỷ luật từ mức khiển trách trở lên	10 6			
5.2	Lớp phó, Thành viên đội TNKK - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao - Lớp có SV vi phạm kỷ luật từ mức khiển trách trở lên, dãy nhà KTX có phòng bị lập biên bản vi phạm.	8 4			
5.3	+ Lớp trưởng tín chỉ + Trưởng dãy nhà KTX, trưởng khu ngoại trú Tổ trưởng/nhóm trưởng + Trưởng phòng KTX, trưởng cụm ngoại trú	6 6 4 4			
5.4	Đội trưởng đội TNKK hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	10			
5.5	+ Được kết nạp Đảng + Hiến máu nhân đạo + Được học lớp Cảm tình Đảng + Giấy khen của Trường + Giấy khen của Đoàn TN, Hội SV	5 5 3 5 3			
	Cộng	0 -100			

Ghi chú:

- SV không đánh giá vượt quá khung điểm ở mỗi nội dung
- SV vi phạm ở nội dung nào thì bị trừ điểm theo quy định ở nội dung đó đến điểm âm.

Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá:....

XÁC NHẬN CỦA CVHT

Xếp loại:.....

Hải Dương, ngày.....tháng năm 201.....

Sinh viên

(Ký ghi rõ họ tên)